

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Văn Lược;
- Ông Đồng Thanh Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/HSST, ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Hữu N**, sinh năm: 2002, tại tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ X, ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu N1 và bà Vũ Thị T; bị cáo chưa có vợ con; có 01 người anh ruột sinh năm 2001; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 29/9/2022 bị Ủy ban nhân dân xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính 4.000.000đ về hành vi “Sử dụng công cụ nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác”, chấp hành xong ngày 25/10/2022; nhân thân: Ngày 07/02/2021 bị Ủy ban nhân dân xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính 2.500.000đ về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”, chấp hành xong ngày 05/10/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2023 đến ngày 06/6/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giam chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Trịnh Ngọc P**, sinh năm: 2001, tại tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ E, ấp V, xã T,

huyện B, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ con; có 01 người anh ruột, sinh năm 1999; tiền án: Ngày 20/01/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng tại bản án số 20/2022/HS-ST, ngày 20/01/2022, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2022; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/3/2020, bị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi “Đánh nhau”, chấp hành nộp phạt xong ngày 04/3/2020; ngày 06/5/2020, bị Công an xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi “Đánh nhau”, chấp hành nộp phạt xong ngày 18/9/2020; ngày 08/7/2021, bị Công an xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã chấp hành nộp phạt xong ngày 13/7/2021.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2023 đến ngày 06/6/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giam chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Công ty cổ phần phát triển nông nghiệp T; địa chỉ trụ sở chính: Số 000 đường V, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Đoàn Viết C, sinh năm: 1960, chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ cư trú: Số M, đường H, Phường R, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Trịnh Ngọc B, sinh năm 1999, địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Hữu N, Trịnh Ngọc P là bạn bè quen biết nhau do cùng cư trú tại ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 11 giờ 00 ngày 22/3/2023, P điều khiển xe mô tô biển số 61N1 - 091.xx đi đến nhà của N mục đích để rủ nhau cùng chơi game. Tại đây, N rủ P đến nhà dì ruột là bà Vũ Thị T để uống cà phê thì P đồng ý. Khi cả hai đi đến nhà bà T tại ấp V, xã T, huyện B (cách nhà của N 01km) thì cả nhà bà T đi vắng nên N và P dừng xe và ngồi trước sân nhà bà T chơi. Trong lúc ngồi chơi trước sân, N nhìn sang khu vực Trại chăn nuôi T là chi nhánh của Công ty phát triển nông nghiệp T (cách nhà bà Thủy khoảng 200m) thì thấy Trại chăn nuôi đã ngưng hoạt động và đang bỏ trống nên N rủ P cùng đi bộ sang khu trại chăn nuôi để dạo chơi thì P đồng ý. Khi cả hai đi bộ đến khu vực

cổng Trại chăn nuôi T thì thấy cổng trại không khóa và không có bảo vệ trông coi nên N và P mở cổng đi sâu vào các khu trang trại nuôi gà đã bỏ hoang. Khi đến khu vực chuồng trại D6 và D7 thuộc Trại chăn nuôi T, N nhìn thấy có nhiều mô tô điện gắn với các cánh quạt lắp trên vách các chuồng nuôi dùng để hút mùi hôi từ trong khu trại ra ngoài nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, Nghĩa bàn với P trộm các mô tô điện để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì P đồng ý. N và P cùng đi bộ về nhà bà T, sau đó P lấy xe mô tô chở Nghĩa về nhà lấy kèm và cò lê (chìa khóa) để trở lại trang trại tháo các mô tô mang đi cất giấu tìm nơi tiêu thụ sau. Sau khi đã trở về nhà chuẩn bị cò lê, kèm xong P điều khiển xe mô tô biển số 61N1 - 091.xx chở N đi thẳng đến khu trại gà D6 và D7 thuộc Trại chăn nuôi T, N và P thay nhau tháo trộm 06 (Sáu) chiếc mô tô điện nhãn hiệu DHM công suất 1,5Hp 03 pha màu xanh trọng lượng mỗi chiếc mô tô 15 kg và 03 (Ba) chiếc mô tô điện màu xanh, không rõ nhãn hiệu và công suất, trọng lượng mỗi chiếc mô tô 14kg rồi mang ra cất giấu phía bên trong cánh cổng Trại chăn nuôi T. Lúc này N bàn bạc với P tạm thời cất giấu 09 chiếc mô tô điện phía sau cổng trại để mọi người đi ngang không nhìn thấy, chờ trời tối cả hai quay lại vận chuyển số mô tô trên đi cất giấu nơi khác chờ tìm nơi tiêu thụ thì P đồng ý, sau đó P chở N về nhà N còn P trở về nhà của P. Khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, P điều khiển xe mô tô biển số 61N1- 091.xx đến nhà chở N quay lại Trại chăn nuôi T, P điều khiển xe còn N ngồi phía sau giữ 05 (Năm) mô tô để P chở mang về bãi đất trống cạnh nhà N tại Tổ X, ấp V, xã T, huyện B cất giấu. Sau đó P tiếp tục điều khiển mô tô biển số 61N1 - 091.xx chở N quay trở lại Trại chăn nuôi T chở 04 (Bốn) chiếc mô tô còn lại về nơi cất giấu, đang trên đường đi N và P bị lực lượng tuần tra Công an xã T, huyện B phát hiện truy đuổi và bắt giữ cả hai đang vận chuyển 04 chiếc mô tô điện cũ, N và P khai nhận do trộm cắp tại Trại chăn nuôi T. Công an xã T tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm:

- 06 (Sáu) chiếc mô tô điện nhãn hiệu DHM công suất 1,5 Hp 03 pha màu xanh trọng lượng mỗi mô tô 15kg;

- 03 (Ba) chiếc mô tô điện không rõ nhãn hiệu và công suất màu xanh trọng lượng mỗi mô tô 14kg;

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 61N1 - 091.xx;

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1 - 091.xx;

- 01 (Một) cây kèm có cán màu đỏ;

- 01 (Một) cò lê số 13, một đầu hình tròn, 01 đầu hình chữ U.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 31/KLHD-ĐGTS, ngày 28/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương kết luận: 06 (Sáu) chiếc mô tô điện, nhãn hiệu DHM, công suất 1,5Hp, 03 pha, màu xanh, trọng lượng 15kg/chiếc và 03 (Ba) chiếc mô tô điện, không rõ nhãn hiệu và công suất, màu xanh, trọng lượng mỗi chiếc mô tô 14kg có tổng trị giá là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 31/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp tạm giam đối với Bùi Hữu N, Trịnh Ngọc P để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS-BTU, ngày 06/6/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã truy tố các bị cáo Bùi Hữu N và Trịnh Ngọc P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Đoàn Viết C là người đại diện hợp pháp của bị hại là Công ty cổ phần phát triển nông nghiệp T xác định tài sản bị chiếm đoạt gồm 09 chiếc mô tô điện đã được cơ quan điều tra giao trả cho Công ty. Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì khác trong vụ án đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo để các bị cáo có cơ hội tự cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trịnh Ngọc B xác định xe mô tô Yamaha, loại Sirius biển số 61N1 - 091.xx thuộc quyền sở hữu của ông B. Ngày 22/3/2023, ông B đi làm để xe mô tô trên tại nhà, trên xe cắm sẵn chìa khóa thì bị cáo Trịnh Ngọc P là em ruột ông B tự ý lấy xe mô tô đi chơi sau đó sử dụng xe mô tô này làm phương tiện phạm tội, ông B không biết. Hiện cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1 - 091.xx mang tên Trịnh Ngọc B. Ông B không yêu cầu nào khác trong vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên không bổ sung, thay đổi, rút truy tố đối với các bị cáo nêu trên và giữ nguyên nội dung truy tố Bùi Hữu N, Trịnh Ngọc P về tội trộm cắp tài sản. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N do bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự “Tái phạm” đối với bị cáo Phương. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo N, Trịnh Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Hữu N từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù; áp dụng Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc P từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây kèm có cán màu đỏ và 01 (Một) cờ lê số 13 (Một đầu hình tròn và một đầu hình chữ U).

Bị cáo Bùi Hữu N và bị cáo Trịnh Ngọc P thành khẩn nhận tội, xác định Viện Kiểm sát kết tội các bị cáo đúng tội danh, đúng điểm khoản, điều luật nên không tham gia tranh luận không tự bào chữa thêm cho từng bị cáo. Bị hại thống nhất tội danh, mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đã luận tội đối với các bị cáo, không tranh luận gì khác và bị hại chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Bùi Hữu N và bị cáo Trịnh Ngọc P nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục điều tra, truy tố theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Các quyết định tố tụng, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn được tổng đạt hợp lệ cho bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác và họ không khiếu nại về các các quyết định trên trong quá trình tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện Bắc Tân Uyên đối với vụ án đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, cả hai bị cáo N và P đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản xác định vật chứng, biên bản xác định hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Ngày 22/3/2023, lợi dụng Trại chăn nuôi T thuộc Công ty cổ phần phát triển nông nghiệp T tại ấp V, xã T, huyện B đã ngừng hoạt động, không có người trông giữ tài sản, các bị cáo N và P đã lén lút vào khu trại D6, D7 tháo rời, vận chuyển ra bên ngoài cất giấu 09 (Chín) chiếc mô tơ điện, trị giá 4.200.000đ nhằm mục đích chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài và hành vi của các bị cáo đã bị lực lượng tuần tra Công an xã T, huyện B phát hiện bắt giữ. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 4.200.000đ do các bị cáo N và P đã thực hiện nói trên đủ các yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Bùi Hữu N, Trịnh Ngọc P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Cả hai bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đang trong độ tuổi lao động, có thể tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân và gia đình nhưng vì ham chơi, đua đòi, lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác làm của

riêng mình không phải lao động cực nhọc, các bị cáo đã bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi trộm cắp do các bị cáo thực hiện đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nghĩ nên xét xử các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm tác dụng giáo dục, răn đe người phạm tội và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, giúp sức lẫn nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Trong đó bị cáo Bùi Hữu N giữ vai trò chủ mưu, xúi giục, chủ động đề xuất, bàn bạc cùng bị cáo P lựa chọn phương án chiếm đoạt tài sản lúc trời sáng, cất giấu vào chỗ kín, chờ thời cơ trời tối quay lại vận chuyển tài sản chiếm đoạt đi nơi khác cất giấu tránh bị phát hiện. Bị cáo N cũng là người chủ động cung cấp công cụ thực hiện hành vi phạm tội (Kềm, cò lê). Do đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo N nghiêm khắc hơn so với bị cáo P. Trong vụ án, bị cáo P tuy giữ vai trò thấp hơn bị cáo N nhưng bị cáo P đã giúp sức cho bị cáo N thực hiện hành vi rất tích cực thể hiện việc không ngăn cản, phản đối bị cáo N khi được đề xuất chiếm đoạt tài sản người khác, ngược lại bị cáo P hưởng ứng ngay phương án chiếm đoạt tài sản do bị cáo N đề nghị, và sử dụng phương tiện xe mô tô biển số 61N1 - 091.xx để cùng bị cáo N tìm công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp, vận chuyển tài sản chiếm đoạt đi cất giấu. Do đó, dù tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo P tuy thấp hơn bị cáo N nhưng hình phạt dụng đối với bị cáo P không thấp hơn nhiều so với bị cáo N trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Ngọc P đã có 01 tiền án về tội “Gây rối trật tự công cộng” bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù tại bản án số 20/2022/HS-ST, ngày 20/01/2022, mới chấp hành xong ngày 10/10/2022, chưa được xóa án tích nay bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo P bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Bùi Hữu N không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cả hai bị cáo Bùi Hữu N và Trịnh Ngọc P thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả cho bị hại; ông Đoàn Viết C là người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo tại phiên tòa nên cả hai bị cáo N và P đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Bùi Hữu N chưa có tiền án nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo Trịnh Ngọc P có 01 tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật Hình sự, 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân xấu, từ năm 2020 đến năm 2021

bị cáo P đã bị Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và Công an xã Tân Định, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về các hành vi “Đánh nhau” và “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Do đó cần cách ly bị cáo Phương ra khỏi xã hội một thời gian đủ tác dụng răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người tốt.

[7] Đối với bị cáo Bùi Hữu N không có tình tiết tăng nặng, chưa có tiền án, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo Nghĩa có 01 tiền sự chưa được xóa về hành vi “Sử dụng công cụ nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác” và bị cáo có nhân thân xấu, năm 2021 bị Ủy ban nhân dân xã Tân Định xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”. Do đó, cần cách ly bị cáo N một thời hạn đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng: 01 (Một) cây hèm có cán màu đỏ và 01 cờ lê số 13 (một đầu có hình tròn và 01 đầu có hình chữ U) do các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nhưng xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với vật chứng là 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biển số 61N1 - 091.xx, số máy: E3X9E-203363, số khung: RLCUE20-HY047714 là tài sản hợp pháp của anh Trịnh Ngọc B là anh ruột bị cáo P. Bị cáo P sử dụng xe mô tô nói trên cùng bị cáo N làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nhưng anh B không biết. Ngày 17/5/2023, cơ quan Cảnh sát Điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61N1-091.xx cho anh Trịnh Ngọc B là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên không đặt ra xem xét.

[10] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nào khác nên không đặt ra xem xét.

[11] Án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Hữu N và bị cáo Trịnh Ngọc P phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được khấu trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 23/3/2023 đến ngày 06/6/2023.

2.2. Áp dụng Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc P 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được khấu trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 23/3/2023 đến ngày 06/6/2023.

2. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 57/2023/HSST-LCCT, ngày 09/6/2023 đối với bị cáo Bùi Hữu N và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 58/2023/HSST-LCCT, ngày 09/6/2023 đối với bị cáo Trịnh Ngọc P của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây kèm cán màu đỏ và 01 (Một) cờ lê số 13 (Một) đầu hình tròn, một đầu hình chữ U).

(Kèm theo biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, lập ngày 08/6/2023)

5. Về án phí: Bị cáo Trịnh Ngọc P và bị cáo Bùi Hữu N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV27 - Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Công an huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ LQ (04)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

- Lru: HS, VT (02).